TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ - ST
Ngày 24-5-2024
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Quang;

Ông Phạm Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Hoàng Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2023/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đặng Thị N, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp 6, xã TL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp 6, xã TL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Đặng Thị N trình bày*:

Về hôn nhân: Bà Đặng Thị N và ông Nguyễn Thành T chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/11/2012 tại UBND xã TL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống thời gian đầu thì hạnh phúc nhưng sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay, cảm thấy tình trạng vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung: Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 02/11/2012; Nguyễn Thị Thu T2, sinh ngày 21/4/2014. Hiện cả 02 con đang

sống cùng với ông, bà ngoại và bà N, bà yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai bị đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Đặng Thị N và ông Nguyễn Thành T chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/11/2012 tại UBND xã TL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống thời gian đầu thì hạnh phúc nhưng sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay, cảm thấy tình trạng vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung: Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 02/11/2012; Nguyễn Thị Thu T2, sinh ngày 21/4/2014. Hiện cả 02 con đang sống cùng với ông, bà ngoại và bà N. Ông T đồng ý giao con cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật. HĐXX thực hiện khai mạc phiên toà, phần thủ tục, phần tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà Đặng Thị N và ông Nguyễn Thành T chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/11/2012 tại UBND xã TL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Bà N, ông T đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống nên xin được ly hôn với bị đơn, bị đơn cũng thống nhất với nguyên đơn về quá trình chung sống, mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và đồng ý ly hôn nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung: Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 02/11/2012; Nguyễn Thị Thu T2, sinh ngày 21/4/2014. Hiện cả 02 con đang sống cùng với ông bà ngoại và bà N, bà yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T cũng có nguyện vọng giao 02 con cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tại bản ghi nhận ý kiến cháu T1, cháu T2 cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho nguyên đơn được nuôi 02 con chung, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đặng Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông Nguyễn Thành T, bị đơn ông T đang sinh sống tại địa chỉ xã TL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; nên đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Đặng Thị N và ông Nguyễn Thành T chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 19/11/2012 tại UBND xã TL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Bà N, ông T đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống nên xin được ly hôn với bị đơn, bị đơn cũng thống nhất với nguyên đơn về quá trình chung sống, mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và đồng ý ly hôn. Xét thấy, hôn nhân của bà N, ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung: Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 02/11/2012; Nguyễn Thị Thu T2, sinh ngày 21/4/2014. Hiện cả 02 con đang sống cùng với ông, bà ngoại và bà N, bà yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T cũng có nguyện vọng giao 02 con cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tại bản ghi nhận ý kiến cháu T1, cháu T2 cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho nguyên đơn được nuôi 02 con chung, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 53, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị N đối với bị đơn ông Nguyễn Thành T về việc "Ly hôn".

2. Về hôn nhân: Bà Đặng Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

3. Về con chung: Giao 02 con chung: Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 02/11/2012; Nguyễn Thị Thu T2, sinh ngày 21/4/2014 cho bà N nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Đặng Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005520 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Mạnh